TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 46, 13 – 17/11/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Quá trình phục hồi diễn ra khó khăn"

Tiêu điểm nổi bật:

- CPI của Mỹ trong tháng 10 tăng 3.2% YoY. Tốc độ này giảm so với 3.7% tháng 9 và chậm hơn dự báo của các nhà kinh tế học. Lạm phát lõi của Mỹ tăng 4% so với tháng trước đó. Mức này cũng thấp hơn dự báo và thấp nhất 2 năm, dù vẫn trên mục tiêu 2% của Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed).
- Công ty Luật Pomerantz tiến hành điều tra Vinfast về hành vi gian lận chứng khoán và một số hoạt động vi phạm phát luật (theo Bloomberg).

Đánh giá: Trong tuần này, thị trường có nhịp phục hồi tốt cho đến khi phiên thứ 6 ngày 17/11 đã xóa đi hết nỗ lực phục hồi của các phiên giao dịch trước đó. Đà phục hồi trong tuần hưởng ứng trước thông tin lạm phát khá tích cực của Mỹ, VNINDEX sau đó cũng hòa theo nhịp tăng của thị trường toàn cầu. Tuy nhiên những thông tin bất ngờ từ nhóm VIC, VHM, và VRE lại một lần nữa đã khiến cho lực bán gia tăng mạnh đặc biệt đến từ khối lượng bán kỉ lục của khối ngoại. Chúng tôi cho rằng đây là thời điểm các thông tin tác động đến thị trường chứng khoán là chủ yếu, thay vì những kì vọng về tăng trưởng thực của nền kinh tế. Vì thế chiến lược giao dịch ngắn hạn nắm bắt cơ hội, nhạy bén trước những thông tin sẽ phù hợp hơn trong giai đoạn hiện tại. Ngoài ra, với những doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, việc giá điều chỉnh sẽ mở ra nhiều cơ hội đầu tư dài hạn và hấp dẫn hơn.

Góc nhìn kĩ thuật: VNINDEX đóng cửa tại 1101.19 điểm (-0..49 điểm, -0.04%) trên đồ thị tuần với thanh khoản tăng nhẹ. Như vậy sau khi phục hồi từ vùng đáy 1020 từ đầu tháng 11 2023 cho đến, thị trường hiện có phiên giảm mạnh nhất hơn 24 điểm vào thứ 6. VNINDEX tiếp tục cho thấy quá trình đi lên gặp khó khăn khi lực bán khá mạnh tại MA 50 và MA 200. Với kịch bản cơ sở, chúng tôi kì vọng thị trường sẽ cần tích lũy tại vùng 1080-1100 này thêm thời gian để hạ độ cao đường MA 50 và lấy đà vượt thoát khỏi vùng kháng cự này.

Ý tưởng đầu tư: Nhìn chung, cơ hội giao dịch ngắn hạn vẫn có nhưng xác suất thành công sẽ thấp khi thị trường vẫn chưa thể vượt thoát hoàn toàn MA 50 và MA 200. Hỗ trợ và kháng cự tham chiếu hiện tại là 1080 – 1120.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,101	0.0	-1.8	-10.7	9.3		15.0	1.6	187
Upcom Index	86	0.0	-0.7	-7.2	20.1		12.6	1.3	44
HNX Index	227	0.0	-1.5	-9.4	10.3		22.7	1.2	12
VN30 Index	1,104	-0.5	-3.3	-11.6	9.8		11.7	1.6	133
S&P 500 Index	4,508	2.1	3.1	3.2	17.4		21.6	4.2	39,279
STOXX Europe 600 Index	455	2.7	1.3	0.9	7.2		12.9	1.7	13,150
Hang Seng	17,454	1.5	-1.8	-4.8	-11.8		9.9	1.0	2,616
Nikkei 225	33,585	3.1	4.8	6.2	28.7		27.5	1.9	4,081
SHCOMP Index	3,054	0.5	-0.9	-3.5	-1.1		14.0	1.3	6,335
STI Index	3,125	0.6	-1.5	-2.3	-3.9		11.2	1.1	360
KOSPI Index	2,470	2.5	0.4	-2.0	10.4		17.0	0.9	1,480

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 4232
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	3.4	-7.6	7.8	-9.3	-3.9	-7.2	3.5	-0.8	73.4	2.7	89,711
Tài chính	2.3	3.4	79.8	5.9	18.2	-3.9	17.6	-0.8	25.9	1.5	168,394
Xây dựng và vật liệu	2.1	2.8	37.8	-3.1	16.1	-13.6	6.6	-1.0	60.3	1.2	120,309
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.0	-0.8	-1.3	-3.0	-1.1	-26.5	0.6	-0.1	13.7	1.6	51,141
Thực phẩm và đồ uống	1.7	-6.4	-14.8	32.9	36.1	9.8	7.1	1.2	26.7	2.3	421,337
Ô tô & Phụ tùng	1.4	-2.2	3.6	28.8	15.6	-43.8	0.2	0.0	17.4	1.1	13,871
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	0.9	-1.1	22.8	-0.5	12.6	-8.7	5.3	-0.6	12.5	1.2	127,078
Hóa chất	0.7	-3.6	29.2	1.4	-16.2	-31.3	3.5	-0.3	16.0	1.4	169,186
Tài nguyên cơ bản	0.5	6.2	43.9	23.9	62.2	25.4	9.7	1.0	n.a	1.4	201,547
Ngân hàng	0.3	1.5	21.0	20.1	32.4	3.3	15.9	1.2	8.9	1.5	1,645,497
Bảo hiểm	0.2	-1.2	-8.6	59.8	62.1	-8.4	0.2	0.1	14.2	1.3	41,576
Dầu khí	-0.1	-5.8	14.0	3.4	-18.8	-11.4	1.0	-0.1	17.3	2.0	57,240
Tiện ích	-0.2	-5.6	-0.7	17.4	30.3	-9.7	1.1	0.1	13.7	1.9	302,080
Công nghệ Thông tin	-0.3	-2.3	34.3	1.3	-9.3	-13.4	1.4	-0.1	20.2	3.2	129,430
Dược và Y tế	-0.6	-7.9	12.5	18.2	-14.8	-31.3	0.1	0.0	6.9	1.9	34,286
Du lịch và Giải trí	-2.4	-0.8	-10.2	-5.6	0.6	-10.2	0.7	-0.1	n.a	12.4	91,186
Bất động sản	-2.9	-3.4	-5.5	12.7	37.5	1.0	25.5	0.4	13.0	1.1	709,276
Truyền thông	-3.8	-4.7	105.7	-21.9	-17.8	57.3	0.0	0.0	40.4	1.0	1,812

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,621**	**-28.3**	**38.7**	**-96.9**	**87.8**
Nước ngoài	**2,534**	**-7.2**	**61.1**	**-36.4**	**183.3**
VanEck Vectors Vietnam ETF	563	0.0	-7.7	-10.4	82.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	804	-15.7	50.4	10.8	50.8
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	610	7.9	11.7	-36.2	8.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	352	0.5	4.0	6.2	66.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	174	0.0	2.7	-5.9	-23.8
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	0.0	0.0	-0.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	-0.8	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,088**	**-21.1**	**-22.3**	**-60.5**	**-95.5**
DCVFMVN Diamond ETF	581	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	311	0.6	4.6	-11.1	-43.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	154	-21.7	-27.9	-50.1	-53.0
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-0.5	-1.0
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.2	0.3	-0.1
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.0	0.8	0.9	1.8

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	6,252	-41,410	6,779
Ấn độ	71	65	-2,592	12,167
Indonesia	56	-125	-621	-931
Nhật Bản*	2,563	4,661	24,206	35,345
Maylaysia	49	234	-227	-669
Philippines	-2	-9	-180	-909
Hàn Quốc	817	2,372	-126	6,182
Sri Lanka	-1	2	3	13
Đài Loan	4,168	5,575	618	-1,562
Thái Lan	53	-212	-642	-5,169
Việt Nam	-16	-48	-113	-379

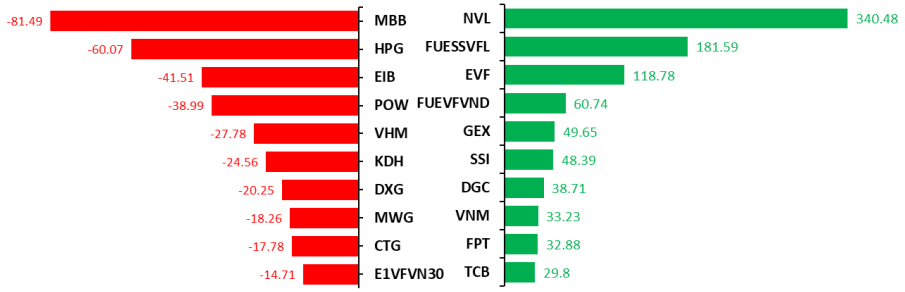
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

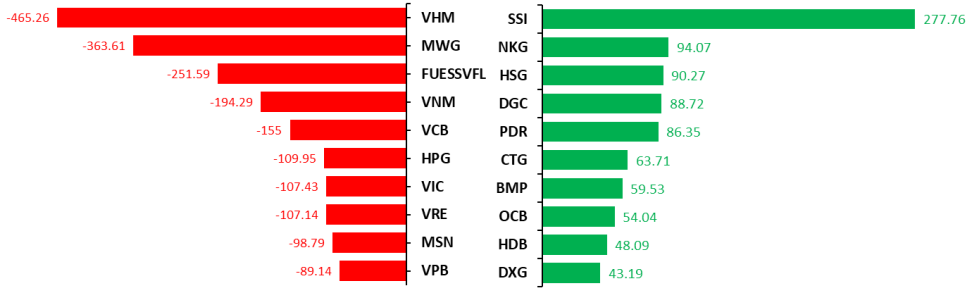
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	318	-172	-238	410
Tài nguyên Cơ bản	-39	85	-75	-9
Truyền thông	0	0	1	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44	16	-112	96
Y tế	0	-1	-3	5
Hóa chất	36	47	-160	113
Dịch vụ tài chính	396	81	-474	393
Du lịch và Giải trí	12	8	180	-188
Ngân hàng	-113	2	114	-116
Xây dựng và Vật liệu	-4	72	31	-103
Thực phẩm và đồ uống	57	-365	324	41
Bán lẻ	-10	-301	371	-69
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-38	-72	99	-27
Hàng cá nhân & Gia dụng	1	-10	-17	27
Công nghệ Thông tin	33	16	-91	74
Ô tô và phụ tùng	4	-9	5	4
Bảo hiểm	1	-11	8	3
Dầu khí	2	19	-33	13
Tổng	700	-596	-71	667

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VHM	Bất động sản	36.75 - 66.20	39.0	-7.92%
2	LEC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.04 - 12.40	6.4	-7.77%
3	CMV	Bán lẻ	8.00 - 11.00	9.0	-7.50%
4	VAF	Hóa chất	8.12 - 15.60	11.1	-7.50%
5	AST	Sản xuất nông nghiệp	46.50 - 63.00	50.1	-6.88%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
17.90%	15.2	5.79 - 15.90	Dịch vụ tài chính	EVF
15.06%	34.0	20.85 - 37.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CLW
12.62%	2.4	1.60 - 3.56	Tài nguyên Cơ bản	DLG
11.31%	49.2	35.15 - 55.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	STG
10.91%	2.4	12.30 - 19.70	Hàng cá nhân & Gia dụng	EVE

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HCT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.60 - 15.30	9.4	-27.69%
2	SDG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.60 - 27.50	16.6	-25.89%
3	MKV	Y tế	8.50 - 13.30	9.4	-18.26%
4	PPE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.60 - 15.30	11.2	-15.15%
5	SJ1	Thực phẩm và đồ uống	10.10 - 18.90	16.1	-14.81%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
41.98%	11.5	8.10 - 13.60	Thực phẩm và đồ uống	THB
32.97%	12.1	7.60 - 12.10	Xây dựng và Vật liệu	VE3
20.49%	24.7	18.30 - 26.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PJC
18.75%	39.9	21.70 - 42.30	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	BTW
16.67%	12.6	10.00 - 26.80	Thực phẩm và đồ uống	VDL

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CCP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.50 - 35.30	15.9	-47.18%
2	SQC	Tài nguyên Cơ bản	3.10 - 21.30	4.2	-40.00%
3	VFC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.60 - 89.90	56.9	-27.97%
4	XDC	Xây dựng và Vật liệu	13.50 - 999.90	188.0	-27.72%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	2.90 - 7.40	4.7	-27.69%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
35.48%	4.2	2.00 - 5.50	Xây dựng và Vật liệu	L45
31.67%	15.8	11.00 - 21.20	Thực phẩm và đồ uống	C22
31.40%	22.6	15.00 - 26.27	Truyền thông	VPR
30.00%	13.0	6.20 - 20.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SCY
29.50%	18.0	12.60 - 21.60	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HBD

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	EVF	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	87,881.1	294.4	15.2	5.79 - 15.90	17.9
2	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	1,679.3	212.4	57.5	34.60 - 60.00	-1.5
3	MSH	May Sông Hồng	Hàng cá nhân & Gia dụng	6,098.6	175.8	38.0	31.60 - 48.00	3.4
4	LGC	Đầu tư Cầu đường CII	Xây dựng và Vật liệu	390.1	153.3	55.5	42.35 - 60.80	6.7
5	EIB	Eximbank	Ngân hàng	205,670.8	132.1	18.6	12.01 - 22.37	4.8
6	ACB	Ngân hàng Á Châu	Ngân hàng	234,292.9	111.6	22.7	17.70 - 24.40	1.3
7	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,556.5	99.6	21.8	15.95 - 31.45	-3.3
8	DBC	Tập đoàn DABACO	Thực phẩm và đồ uống	187,029.6	80.0	24.0	10.75 - 28.35	9.8
9	EVG	Tập đoàn Everland	Xây dựng và Vật liệu	13,927.4	80.0	5.5	3.05 - 8.40	8.6
10	ITA	Đầu tư CN Tân Tạo	Bất động sản	31,239.7	79.5	5.9	2.80 - 6.80	8.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

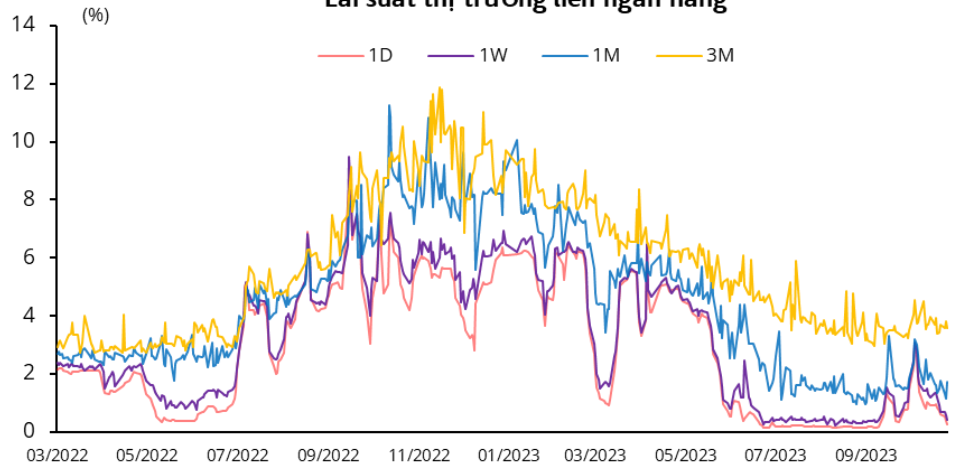
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	104.23	-1.54	-1.90	0.64	0.69	
VND/USD	24,257	-0.28	-0.99	1.65	2.64	
KRW/USD	1,296.75	-1.53	-4.20	-3.36	2.47	
JPY/USD	149.60	-1.27	-0.14	2.58	14.09	
EUR/USD	0.92	-1.55	-2.55	0.16	-1.37	
SGD/USD	1.35	-1.10	-1.66	-0.94	0.46	
CNY/USD	7.24	-0.69	-1.10	-0.71	4.88	

Hàng hóa

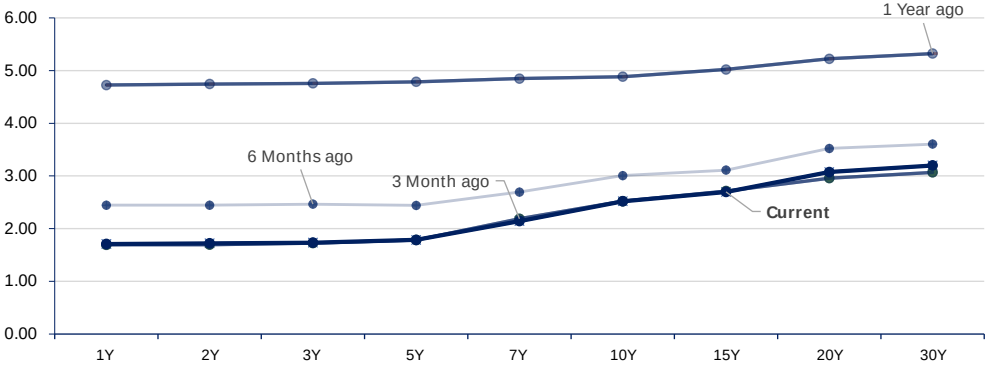
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	73.40	-4.89	-15.30	-8.70	-8.55	
Xăng	210.45	-3.88	-7.88	-25.42	-14.43	
Gas	3.05	0.46	-1.04	16.25	-31.91	
Than	123.10	0.08	-14.37	-16.54	-69.54	
Vàng	1,991.38	2.64	3.55	5.40	9.18	
Bạc	24.03	7.89	5.33	5.87	0.29	
Platinum	902.76	6.73	0.35	0.65	-15.97	
Quặng sắt	129.42	1.60	8.53	23.48	16.30	
Thép cán	4,004.00	1.83	5.42	1.42	-3.45	
Lúa mì	555.00	-3.52	-2.72	-5.85	-29.92	
Ngô	473.25	1.99	-3.22	0.05	-30.25	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.71	1.72	1.73	1.79	2.14	2.52	2.70	2.71	3.11
Thay đổi (BPS)*	-3.60	-2.80	-2.30	-4.80	-25.70	-10.70	-12.50	-3.20	-3.60

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.